

Bán ra (từ Tăng tỷ trọng)

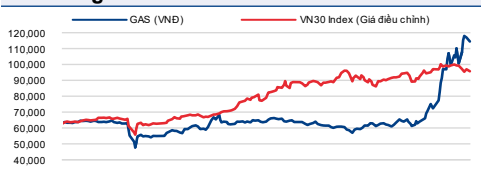
Giá mục tiêu: VNĐ74,000 (giữ nguyên)

Tiềm năng tăng/giảm: -35.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (2/2/2026)	114,500
Mã Bloomberg	GAS VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	47,818-118,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	116,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	276,282
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	10,615
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,413
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	1,182
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,123
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	2.46%
Tỷ lệ freefloat	4.24%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (95.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Giá cổ phiếu (%)	-1 thg	-3 thg	-12 thg
Cổ phiếu thường	58.1	85.9	79.1
So với chỉ số	60.2	74.8	19.6
So với ngành	-	-	-

Nguồn: Công ty, FactSet

HSC và trung bình thị trường

EPS ĐC (đồng)	HSC	Thị trường	% ch.lệch
2025F	5,139	4,975	3.3
2026F	4,740	4,796	(1.2)
2027F	4,419	5,125	(13.8)

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GAS là doanh nghiệp chiếm thị phần lớn trong mảng buôn bán/vận chuyển khí tự nhiên và LPG ở Việt Nam, và hưởng lợi từ việc nhập khẩu LNG từ năm 2023.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Hoàng Nam
Giám Đốc, Ngành Năng Lượng
nam.nhoang@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 190

KQKD Q4/2025 thấp hơn kỳ vọng; hạ khuyến nghị xuống Bán ra trên cơ sở định giá

- Giá cổ phiếu GAS đã tăng mạnh 58% trong 1 tháng qua và 85% kể từ báo cáo khuyến nghị Tăng tỷ trọng của HSC vào tháng 11/2025. Với rủi ro giảm giá 35% tại giá mục tiêu theo phương pháp DCF không đổi là 74.000đ, chúng tôi hạ khuyến nghị xuống Bán ra.
- Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi Q4/2025 đạt 2,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ (giảm 10% so với quý trước) và thấp hơn dự báo của HSC, trong khi lợi nhuận thuần ghi nhận 1,4 nghìn tỷ đồng sau khi Công ty trích lập chi phí dự phòng lớn trong quý.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh gần đây, GAS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm ở mức 24,8 lần, cao hơn đáng kể so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 15,3 lần. Tại giá mục tiêu 74.000đ, P/E và P/B dự phóng năm 2026 lần lượt là 15,6 lần và 2,7 lần.

Sự kiện: KQKD Q4/2025 thấp hơn kỳ vọng

Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi Q4/2025 đạt 2,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ (giảm 10% so với quý trước) và thấp hơn dự báo của HSC, trong khi lợi nhuận thuần đạt 1,4 nghìn tỷ đồng sau khi Công ty trích lập gần 1 nghìn tỷ đồng chi phí dự phòng thuần liên quan đến hoạt động bán khí thiên nhiên cho các nhà máy điện. Tính chung cả năm 2025, lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi đạt 11 nghìn tỷ đồng, giảm 3% và thấp hơn 12% so với dự báo cả năm 2025 của chúng tôi trong khi tổng lợi nhuận thuần đạt 11,4 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 10% nhưng thấp hơn 9% so với ước tính cả năm của chúng tôi.

Lợi nhuận thuần HĐKD cốt lõi năm 2025 thấp hơn kỳ vọng nhiều khả năng do sản lượng tiêu thụ khí thiên nhiên giảm 3% xuống 6,2 tỷ m3. Trong khi đó, LNG nhập khẩu chỉ đạt 0,4 tỷ m3 trong năm 2025 (giảm 6%), tương đương 6% tổng sản lượng tiêu thụ khí thiên nhiên của Công ty. Trong thời gian tới, HSC kỳ vọng phần lớn các nhà máy điện khí LNG tại Việt Nam sẽ đi vào vận hành trước cuối thập kỷ này, qua đó thúc đẩy nhu cầu LNG trong nước.

Chi phí dự phòng nợ xấu ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận

HSC lưu ý rằng mức trích lập dự phòng nợ xấu cao hơn trong quý này tại GAS có liên quan đến hai cổ phiếu điện khác trong nhóm Năng lượng & Tiện ích trong danh sách khuyến nghị của HSC là POW và PGV. Do đặc thù của ngành điện là các nhà máy điện mua khí thiên nhiên từ GAS để bán điện trực tiếp cho EVN, chúng tôi kỳ vọng các khoản nợ xấu này sẽ được xử lý khi EVN thống nhất mức giá khí đầu vào mới cho POW và PGV.

Định giá và khuyến nghị

Sau khi giá cổ phiếu tăng 58% & 86% trong 1 tháng & 3 tháng qua và diễn biến tích cực hơn đáng kể so với VN Index, GAS đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 24,8 lần, cao hơn nhiều so với bình quân từ tháng 1/2023 ở mức 15,3 lần. Thị trường dường như đang kỳ vọng mức giá cao cho GAS trong kế hoạch thoái vốn sắp tới của PVN, trong khi HSC có quan điểm thận trọng hơn khi cho rằng thương vụ thoái vốn này có thể diễn ra muộn hơn so với kỳ vọng.

Chúng tôi giữ nguyên giá mục tiêu theo phương pháp DCF là 74.000đ nhưng hạ khuyến nghị xuống Bán ra (từ Tăng tỷ trọng) sau khi (1) giá cổ phiếu tăng mạnh bất thường và (2) KQKD Q4/2025 thấp hơn kỳ vọng. Vui lòng tham khảo báo cáo doanh nghiệp của chúng tôi ([Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng; đón dòng khí LNG trong trung hạn](#), ngày 2/12/2025) để biết thêm chi tiết về các giả định chính và phương pháp định giá.

(Xem tiếp trang 2)

Cuối năm: Tháng 12	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBITDA ĐC (tỷ đồng)	15,933	14,770	17,299	16,417	15,500
Lợi nhuận thuần (tỷ đồng)	11,606	10,398	12,587	11,804	11,030
EPS ĐC (đồng)	4,893	4,324	5,139	4,740	4,419
DPS (đồng)	3,100	5,922	4,000	4,000	4,000
BVPS (đồng)	27,887	25,718	26,476	27,368	27,939
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.5	18.0	15.8	16.3	17.4
P/E ĐC (lần)	23.4	26.5	22.3	24.2	25.9
Lợi suất cổ tức (%)	2.71	5.17	3.49	3.49	3.49
P/B (lần)	4.11	4.45	4.32	4.18	4.10
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(22.2)	(11.6)	18.8	(7.76)	(6.77)
ROAE (%)	18.7	16.7	20.3	18.2	16.5

Ghi chú: Dấu ▲ ▼ thể hiện mức tăng giảm ít nhất 5%.
Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Bảng 1: KQKD Q4/2025 và cả năm 2025, GAS

Lợi nhuận 'cốt lõi' năm 2025 đạt 11 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 88% dự báo cả năm 2025 của HSC

Tỷ đồng	Q4/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	2025	Tăng trưởng	% dự báo của HSC
Doanh thu	43,683	75%	22%	135,129	30%	126%
Lợi nhuận gộp	3,793	-6%	-8%	-387	-4%	
Chi phí BH&QL	-2,394	36%	97%	-3,814	-32%	
Chi phí dự phòng	-1,173	+1,955x	+355x	458	N/m	
Thu nhập tài chính	428	2%	8%	1,584	-9%	
Chi phí tài chính	-83	-41%	-3%	-387	-41%	
Lợi nhuận từ công ty liên doanh	19	51%	58%	42	10%	
Thu nhập khác	-21	93%	571%	-4	N/m	
LNTT	1,743	-32%	-46%	14,359	9%	
Lợi nhuận thuần	1,361	-33%	-47%	11,414	10%	91%
Các khoản mục ròng không thường xuyên	-939	+1,955x	+355x	366	N/m	
Lợi nhuận thuần cốt lõi	2,300	12%	-10%	11,048	-3%	88%

Nguồn: HSC ước tính

Cập nhật kế hoạch thoái vốn của PVN:

Lưu ý, trong kế hoạch tái cơ cấu của PVN (công bố vào năm ngoái; tham khảo chi tiết [tại đây](#)), GAS nằm trong danh sách các khoản đầu tư mà PVN dự kiến tiếp tục nắm giữ trên 50% cổ phần. Đáng chú ý, PVN hiện vẫn sở hữu trên 95% cổ phần tại GAS và theo đánh giá của chúng tôi, điều này cho thấy tiến độ triển khai kế hoạch tái cơ cấu đến nay còn rất hạn chế. Ngoài ra, theo các quy định hiện hành, các công ty niêm yết cần có tối thiểu 10% tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng, nếu không có thể đối mặt với nguy cơ bị hủy niêm yết, với thời hạn áp dụng vào tháng 1/2027.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	89,954	103,564	107,117	105,783	115,318
Lợi nhuận gộp	16,925	17,654	19,054	18,023	17,275
Chi phí BH&QL	(4,019)	(5,612)	(4,124)	(4,073)	(4,440)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	12,906	12,042	14,930	13,950	12,835
Lãi vay thuần	1,686	1,077	1,055	1,037	1,161
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	26.7	37.8	37.8	37.8	37.8
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	20.4	15.7	32.1	31.7	34.6
LN TT	14,640	13,172	16,054	15,057	14,069
Chi phí thuế TNDN	(2,846)	(2,582)	(3,211)	(3,011)	(2,814)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(187)	(192)	(257)	(241)	(225)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	11,606	10,398	12,587	11,804	11,030
Lợi nhuận thuần ĐC	11,238	10,030	12,219	11,436	10,662
EBITDA ĐC	15,933	14,770	17,299	16,417	15,500
EPS (đồng)	5,513	4,483	5,293	4,892	4,571
EPS ĐC (đồng)	4,893	4,324	5,139	4,740	4,419
DPS (đồng)	3,100	5,922	4,000	4,000	4,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	2,105	2,320	2,378	2,413	2,413
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	2,297	2,343	2,413	2,413	2,413
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,297	2,343	2,413	2,413	2,413

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,669	5,568	8,043	13,590	11,492
Đầu tư ngắn hạn	35,085	27,494	26,779	21,157	20,757
Phải thu khách hàng	16,865	19,098	20,289	20,565	22,996
Hàng tồn kho	3,945	4,599	4,392	4,337	4,728
Các tài sản ngắn hạn khác	654	531	1,178	1,164	1,268
Tổng tài sản ngắn hạn	62,218	57,290	60,682	60,813	61,241
TSCĐ hữu hình	19,532	18,222	20,562	22,207	23,983
TSCĐ vô hình	-	-	-	-	-
Bất động sản đầu tư	31.7	30.4	31.0	31.6	32.2
Đầu tư dài hạn	1,781	1,718	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	388	390	401	413	426
Tài sản dài hạn khác	3,804	4,205	3,535	3,491	3,805
Tổng tài sản dài hạn	25,537	24,564	24,529	26,143	28,247
Tổng cộng tài sản	87,754	81,855	85,211	86,955	89,488
Nợ ngắn hạn	1,605	934	934	934	934
Phải trả người bán	7,138	6,037	6,030	5,743	6,030
Nợ ngắn hạn khác	5,459	6,651	5,356	5,289	5,766
Tổng nợ ngắn hạn	14,972	14,575	13,498	13,130	13,998
Nợ dài hạn	4,271	2,291	3,291	3,291	3,291
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	280	294	321	317	346
Nợ dài hạn khác	2,934	3,124	2,892	2,856	3,114
Tổng nợ dài hạn	7,484	5,708	6,504	6,464	6,750
Tổng nợ phải trả	22,456	20,284	20,002	19,594	20,749
Vốn chủ sở hữu	64,049	60,248	63,885	66,038	67,416
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,250	1,323	1,323	1,323	1,323
Tổng vốn chủ sở hữu	65,299	61,571	65,209	67,361	68,739
Tổng nợ phải trả và VCSH	87,754	81,855	85,211	86,955	89,488
BVPS (đ)	27,887	25,718	26,476	27,368	27,939
Nợ thuần/(tiền mặt)	206	(2,343)	(3,818)	(9,365)	(7,267)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	12,906	12,042	14,930	13,950	12,835
Khấu hao	(3,027)	(2,728)	(2,369)	(2,467)	(2,665)
Lãi vay thuần	1,686	1,077	1,055	1,037	1,161
Thuế TNDN đã nộp	(2,805)	(2,561)	(3,257)	(3,014)	(2,795)
Thay đổi vốn lưu động	686	(2,703)	(2,391)	(572)	(2,077)
Khác	353	(152)	(590)	(545)	(447)
LCT thuần từ HĐKD	13,827	9,035	10,722	11,948	9,843
Đầu tư TS dài hạn	(1,992)	(1,354)	(2,991)	(4,112)	(4,441)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	0	0	0	0	0
Khác	(9,257)	8,823	3,857	8,358	3,032
LCT thuần từ HĐĐT	(11,249)	7,468	866	4,246	(1,409)
Cổ tức trả cho CSH	(7,120)	(13,872)	(9,652)	(9,652)	(9,652)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	3,617	459
Tăng/giảm nợ	(208)	(2,651)	1,000	0	0
Khác	(131)	(81.3)	(462)	(4,612)	(1,340)
LCT thuần từ HĐTC	(7,459)	(16,604)	(9,113)	(10,647)	(10,532)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	10,549	5,669	5,568	8,043	13,590
LCT thuần trong kỳ	(4,880)	(101)	2,475	5,547	(2,098)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,669	5,568	8,043	13,590	11,492
Dòng tiền tự do	11,835	7,681	7,731	7,836	5,402

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	18.8	17.0	17.8	17.0	15.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	17.7	14.3	16.1	15.5	13.4
Tỷ suất LNT (%)	12.9	10.0	11.8	11.2	9.56
Thuế TNDN hiện hành (%)	19.4	19.6	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	(10.7)	15.1	3.43	(1.25)	9.01
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(23.5)	(7.30)	17.1	(5.10)	(5.59)
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(22.2)	(10.7)	21.8	(6.40)	(6.77)
Tăng trưởng EPS (%)	(28.7)	(18.7)	18.1	(7.58)	(6.56)
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(22.2)	(11.6)	18.8	(7.76)	(6.77)
Tăng trưởng DPS (%)	21.0	91.0	(32.5)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	56.2	132	75.6	81.8	87.5
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	18.7	16.7	20.3	18.2	16.5
ROACE (%)	18.1	17.2	21.5	19.2	17.2
Vòng quay tài sản (lần)	1.06	1.22	1.28	1.23	1.31
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.07	0.75	0.72	0.86	0.77
Số ngày tồn kho	19.7	19.5	18.2	18.0	17.6
Số ngày phải thu	84.3	81.1	84.1	85.5	85.6
Số ngày phải trả	35.7	25.6	25.0	23.9	22.4
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	1.34	(2.76)	(4.30)	(12.6)	(9.07)
Nợ/tài sản (%)	7.44	4.77	6.21	6.07	6.01
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.41	0.26	0.31	0.32	0.35
Chỉ số TT hiện thời (lần)	4.16	3.93	4.50	4.63	4.37
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.93	2.57	2.54	2.52	2.33
EV/EBITDA ĐC (lần)	16.5	18.0	15.8	16.3	17.4
P/E (lần)	20.8	25.5	21.6	23.4	25.0
P/E ĐC (lần)	23.4	26.5	22.3	24.2	25.9
P/B (lần)	4.11	4.45	4.32	4.18	4.10
Lợi suất cổ tức (%)	2.71	5.17	3.49	3.49	3.49

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn